UBND HUYỆN THỐNG NHẤT TRƯỜNG TH TRẦN BÌNH TRỌNG HỌ VÀ TÊN: ..... LỚP:		**ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HỌC SINH CUỐI KÌ I – KHỐI 1 (2T/TUẦN)** **NĂM HỌC 2021 - 2022** Thời gian làm bài: 20 phút.	
MÔN TIẾNG ANH **Listening skill**	**GIÁM THỊ 1**	**GIÁM THỊ 2**	**SỐ THỨ TỰ**

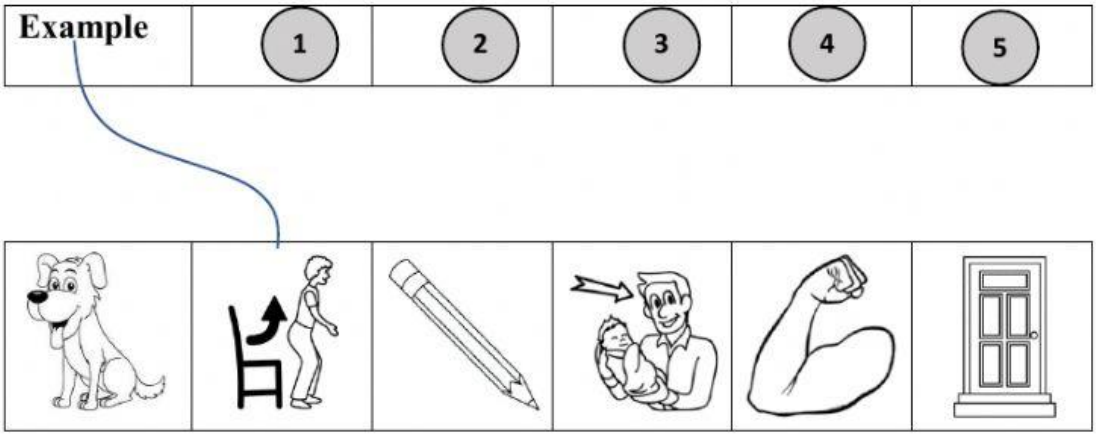
ĐIỂM	**L :.....** **S : .....** **R & W: .....** **T :.....**	**GIÁM KHẢO 1**	**GIÁM KHẢO 2**	**SỐ THỨ TỰ**
BẰNG SỐ	**BẰNG CHỮ**	**NHẬN XÉT**		

LISTENING

Part 1

5 questions (1.25 pts)

Listen and draw lines. There is one example. Nghe và nối



Part 2

5 questions (1.25 pts)

Listen and tick (✓) the box. There is one example. Nghe và đánh dấu đúng (✓)

Example



A ☐



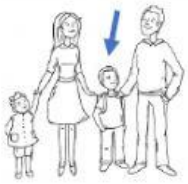
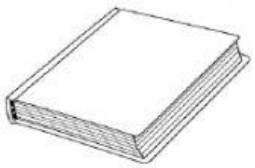
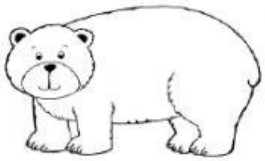
B ☑



C ☐

LIVEWORKSHEETS

Questions

6.	 A ☐	 B ☐	 C ☐
7.	 A ☐	 B ☐	 C ☐
8.	 A ☐	 B ☐	 C ☐
9.	 A ☐	 B ☐	 C ☐
10.	 A ☐	 B ☐	 C ☐

LIVEWORKSHEETS

Part 3

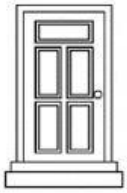
4 questions (1 pt)

Listen and put a tick (✓) or a cross (✗). There are two examples. Nghe và đánh dấu đúng (✓) hoặc sai (✗) vào ô trống.

Examples



☑



☒

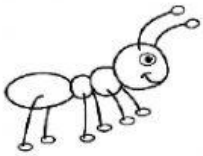
Questions

11.



☐

12.



☐

13.



☐

14.



☐

Part 4

4 questions (1 pt)

Listen and circle. There is one example. Nghe và khoanh tròn đáp án đúng.

Example

This is my _____.



A. father



B. mother

LIVEWORKSHEETS

Questions

15. I can _____.	 A. hop	 B. sing
16. Touch your ____.	 A. leg	 B. arm
17. It's a _____.	 A. pencil	 B. bag
18. I like _____.	 A. dogs	 B. birds

LIVEWORKSHEETS